

Số: 177/NQ-HĐND

Hạ Long, ngày 17 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách Thành phố năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG
KHOÁ II - KỲ HỌP THỨ 24

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Quảng Ninh thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025; Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2023; Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về một số cơ chế và biện pháp điều hành ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của thành phố Hạ Long;

Căn cứ Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về phương án giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và một số biện pháp điều hành ngân sách Thành phố năm 2024; Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của thành phố Hạ Long; Nghị quyết số 154/NQ-HĐND ngày 30/01/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ (đợt 2) Kế hoạch đầu tư công năm 2024; Nghị quyết số 154/NQ-HĐND ngày 30/01/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ (đợt 2) Kế hoạch đầu tư công năm 2024; Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 26/3/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hạ Long về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách Thành phố; bổ sung một số cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách năm 2024; Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 15/4/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Xét Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 02/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách Thành phố năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 42/BC-HĐND ngày 09/7/2024 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Hội đồng nhân dân thành phố Hạ Long thống nhất với các nội dung tại Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 02/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách Thành phố năm 2024 như sau:

1. Giao chỉ tiêu phần đầu thu ngân sách thành phố: Phần đầu chỉ tiêu thu nội địa các chỉ tiêu Thành phố thu năm 2024 đạt 9.262 tỷ đồng, tăng 150 tỷ đồng số thu thuế, phí, lệ phí (thu phí tham quan Vịnh Hạ Long) so với dự toán giao đầu năm, tăng 237 tỷ đồng so với dự toán Tỉnh giao. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện giao chỉ tiêu phần đầu cho các đơn vị và tham mưu phương án sử dụng nguồn thu để cân đối chi đầu tư công theo quy định.

2. Điều chỉnh dự toán chi thường xuyên, dự phòng ngân sách Thành phố năm 2024

2.1. Điều chỉnh giảm 8.226 triệu đồng dự toán chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp văn hóa thông tin, chi khác ngân sách và trợ cấp cân đối của Ủy ban nhân dân xã, phường,

2.2. Bổ sung tăng dự toán 8.226 triệu đồng, cụ thể:

+ Bổ sung tăng 4.662 triệu đồng dự phòng ngân sách Thành phố;

+ Bổ sung tăng 3.564 triệu đồng dự toán chi sự nghiệp kinh tế, chi quản lý hành chính chi khác ngân sách.

Tổng dự toán chi ngân sách Thành phố năm 2024 (chưa bao gồm chi từ nguồn ngân sách Tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu) là 3.890.592 triệu đồng (không thay đổi so với dự toán đã giao đầu năm 2024).

(chi tiết theo phụ biểu số 01, 02)

3. Điều chỉnh, điều hòa kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024

3.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 232.342 triệu đồng của 14 dự án do thay đổi nhu cầu sử dụng và khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch theo tiến độ thực tế triển khai đầu tư dự án.

3.2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 232.342 triệu đồng, cụ thể:

- Điều chỉnh tăng 36.318 triệu đồng kế hoạch vốn của 11 dự án để thực hiện thanh quyết toán, giải quyết kiến nghị GPMB theo tiến độ dự án;

- Phân bổ kế hoạch vốn 50.000 triệu đồng cho 01 dự án khởi công mới;

- Điều chỉnh tăng 32.797 triệu đồng kế hoạch vốn của 22 dự án để bổ sung có mục tiêu hỗ trợ các phường đang triển khai thực hiện các công trình nhà văn hóa và hạ tầng kỹ thuật, giao thông theo Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Thường vụ Hạ Long;

- Điều chỉnh tăng 50.027 triệu đồng kế hoạch vốn của 23 dự án để bổ sung có mục tiêu hỗ trợ các xã đang triển khai thực hiện các công trình hạ tầng nông thôn;

- Phân bổ 63.200 triệu đồng bổ sung có mục tiêu hỗ trợ các phường, xã triển khai thực hiện 27 dự án khởi công mới.

(chi tiết theo phụ biểu số 03, 04, 05, 06)

4. Cho phép Ủy ban nhân dân phường Hồng Hải sử dụng 321.974.809 đồng số thu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản được điều tiết năm 2023 để xử lý hụt cân đối chi thường xuyên năm 2023; số còn lại 703.0527.049 đồng, Ủy ban nhân dân phường Hồng Hải nộp lại ngân sách Thành phố theo cơ chế tại Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024 bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm các nguồn chi ngân sách Thành phố; bám sát tiến độ chung về giải ngân đầu tư công của tỉnh và tiến độ yêu cầu tại Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố; kịp thời rà soát, tháo gỡ những khó khăn, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản, bảo đảm tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công gắn với khối lượng, tiến độ hoàn thành và chất lượng công trình; đồng thời, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Hội đồng nhân dân, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính đầy đủ, khách quan, chính xác của thông tin, số liệu, nội dung trình Hội đồng nhân dân thành phố đảm bảo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo tiến độ, không để xảy ra tình

trạng tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, lãng phí, thất thoát.

Rà soát quy mô, tổng mức đầu tư cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện các bước lập chủ trương đầu tư, lập dự án để đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí trên cơ sở thứ tự ưu tiên dự án; phù hợp với khả năng cân đối vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 của Thành phố. Tăng cường quản lý vốn tạm ứng và thu hồi tạm ứng, xử lý nghiêm trường hợp ứng vốn quá hạn. Đẩy nhanh tiến độ thi công, tập trung giải ngân nguồn vốn đầu tư công năm 2024 cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án đã giao, phân đầu đến ngày 30/9/2024 đạt tối thiểu 80%, đến ngày 31/12/2024 đạt 100% kế hoạch vốn giao đầu năm. Khẩn trương lập hồ sơ quyết toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công.

Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của thành phố Hạ Long; Nghị quyết số 154/NQ-HĐND ngày 30/01/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ (đợt 2) Kế hoạch đầu tư công năm 2024; Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 26/3/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hạ Long về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách Thành phố; bổ sung một số cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách năm 2024; Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 15/4/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024.

Điều 3. Hội đồng nhân dân thành phố giao:

1. Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa II, kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh (báo cáo);
- TT. Thành ủy (báo cáo);
- TT HĐND, UBND thành phố;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH thành phố;
- Các phòng, ban, đơn vị thành phố;
- Các ban HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KTXH.

CHỦ TỊCH



Vũ Thị Mai Anh



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2024

(kèm theo Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hạ Long)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 3193/QĐ-UBND NGÀY 26/3/2024	ĐIỀU CHỈNH KỲ NÀY		DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH KỲ NÀY	Ghi chú
			TĂNG	GIẢM		
(A)	(B)	1	2	3	4=1+2-3	(C)
	Tổng chi cân đối từ nguồn ngân sách Thành phố (chưa bao gồm ngân sách Tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu)	3,890,592	8,226	8,226	3,890,592	
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	1,937,737	0	0	1,937,737	
1	Chi đầu tư ngân sách cấp Thành phố	1,929,000	0	0	1,929,000	
1.1	Chi đầu tư công	1,928,500	0	0	1,928,500	
1.2	Chi đầu tư phát triển khác	500	0	0	500	
-	Nguồn điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên (hỗ trợ vốn điều lệ Quỹ hỗ trợ nông dân)	500			500	
2	Chi ngân sách, phường	8,737			8,737	
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	1,866,242	3,564	8,226	1,861,580	
1	Sự nghiệp kinh tế	247,304	1,300	93	248,511	
1.1	Phòng Quản lý đô thị thành phố	0	1,207	0	1,207	
-	Lập Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Hạ Long		480		480	
-	Lập Chương trình phát triển đô thị thành phố Hạ Long đến năm 2040		727		727	
1.2	Kinh phí thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính		93	93		
-	Thuê dịch vụ đường truyền 16 điểm wifi tại các xã (tiêu chí xây dựng nông thôn mới) - Phòng Văn hóa và thông tin thành phố	267		93	174	
-	Các nhiệm vụ khác phân bổ trong năm (phòng Dân tộc, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố và các đơn vị có liên quan)	55,371	93		55,464	
2	Sự nghiệp môi trường	191,199			191,199	
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	100			100	
4	Sự nghiệp y tế	59,356			59,356	
5	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	765,768			765,768	
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin - thể thao - phát thanh truyền hình	42,328	0	2,638	39,690	
	Sự nghiệp văn hóa thông tin		0	2,638	1,532	
	Phòng Văn hóa và thông tin		0	2,638		
	Dịch vụ đường truyền Internet 107 điểm wifi công cộng trên địa bàn Thành phố (phòng Văn hóa và Thông tin thành phố)	4,170		2,638	1,532	
7	Chi đảm bảo xã hội	100,022			100,022	
8	Chi quản lý hành chính	94,984	264	0	95,248	
	Văn phòng Thành ủy Hạ Long	1,002	264	0	1,266	
	Hợp đồng 68 (chi không tự chủ)	1,002	264		1,266	
9	Quốc phòng - An ninh	32,397			32,397	
9.1	Chi quốc phòng	27,524			27,524	
9.2	Chi an ninh, phòng cháy, chữa cháy	4,873			4,873	
10	Chi khác	26,158	2,000	2,000	26,158	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 3193/QĐ- UBND NGÀY 26/3/2024	ĐIỀU CHỈNH KỲ NÀY		DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH KỲ NÀY	Ghi chú
			TĂNG	GIẢM		
(A)	(B)	1	2	3	4=1+2-3	(C)
10.1	Chi tổ chức cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Đội Kiểm tra trật tự đô thị và môi trường thành phố)	2,000		2,000	0	
10.2	Chi khác còn lại	23,652	2,000		25,652	
11	Chi ngân sách xã, phường	306,626		3,495	303,131	
III	DỰ PHÒNG	86,613	4,662	0	91,275	
1	Dự phòng ngân sách Thành phố	80,139	4,662		84,801	
2	Dự phòng ngân sách xã, phường	6,474			6,474	



BIỂU ĐIỀU CHỈNH TỔNG CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2024

(kèm theo Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hạ Long)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Dự toán điều chỉnh theo Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố		Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh kỳ này	
		Chi thường xuyên	Số bổ sung cân đối cho ngân sách cấp xã		Chi thường xuyên	Số bổ sung cân đối cho ngân sách cấp xã
A	B	1	2	3	4=1+3	5=2+3
	Tổng cộng	253,572	179,085	-3,495	250,077	175,590
1	Cao Thắng	11,522	6,379	-140	11,382	6,239
2	Cao Xanh	10,783	5,743	-104	10,679	5,639
3	Đại Yên	10,465	8,003	-73	10,392	7,930
4	Hà Tu	9,740	6,460	-148	9,592	6,312
5	Hà Lâm	9,063	6,851	-126	8,937	6,725
6	Hà Trung	8,691	7,035	-113	8,578	6,922
7	Hà Khánh	8,741	3,116	-133	8,608	2,983
8	Hà Khẩu	9,935	4,623	-107	9,828	4,516
9	Hà Phong	10,211	8,043	-126	10,085	7,917
10	Hồng Hà	11,261	3,633	-235	11,026	3,398
11	Giếng Đáy	9,705	4,520	-137	9,568	4,383
12	Tuần Châu	8,254	3,583	-119	8,135	3,464
13	Trần Hưng Đạo	8,972	5,532	-96	8,876	5,436
14	Việt Hưng	10,383	8,629	-111	10,272	8,518
15	Yết Kiêu	9,013	4,860	-143	8,870	4,717
16	Hoành Bồ	10,756	7,647	-181	10,575	7,466
17	Lê Lợi	9,219	7,358	-119	9,100	7,239
18	Sơn Dương	10,838	9,334	-125	10,713	9,209
19	Thống Nhất	11,386	9,005	-164	11,222	8,841
20	Dân Chủ	5,986	5,478	-126	5,860	5,352
21	Quảng La	7,662	6,871	-110	7,552	6,761
22	Bằng Cả	6,753	6,167	-139	6,614	6,028
23	Tân Dân	8,520	7,842	-126	8,394	7,716
24	Vũ Oai	8,405	7,511	-85	8,320	7,426
25	Hòa Bình	6,287	5,757	-99	6,188	5,658
26	Kỳ Thượng	6,504	5,938	-127	6,377	5,811
27	Đồng Lâm	7,459	6,744	-84	7,375	6,660
28	Đồng Sơn	7,058	6,423	-99	6,959	6,324

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(theo Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Long)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Nhóm dự án	Chức năng nhiệm vụ (theo phân cấp)	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025					Vốn đã giải ngân 2021 - 2023					Kế hoạch vốn năm 2024 đã bố trí			Điều chỉnh, phân bổ bổ sung kế hoạch vốn 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	
				Tổng cộng	Ngân sách Thành phố	Tổng cộng	Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Ngân sách Thành phố	Cộng vốn đã cấp giải đoạn 2021 - 2023	2021	2022	2023	Nộp trả	Tổng cộng	Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Ngân sách Thành phố	Tổng cộng	Giảm	Phân bổ bổ sung	Tổng cộng	Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Ngân sách Thành phố
	Bổ sung điều chỉnh kế hoạch vốn			4,470,947	4,311,393	3,476,466	687,000	2,789,466	1,405,884	577,596	776,867	158,944	107,524	807,600	336,000	471,600	(145,485)	(231,803)	86,318	662,115	336,000	326,115
1	13 Dự án điều chỉnh giảm kế hoạch vốn theo tiến độ thực tế của dự án			3,086,488	3,086,488	2,914,067	516,000	2,398,067	1,209,011	536,109	696,189	63,908	87,195	786,100	336,000	450,100	(231,803)	(231,803)	-	554,297	336,000	218,297
7	Lĩnh vực giao thông			2,765,413	2,765,413	2,574,887	516,000	2,058,887	1,181,800	536,109	677,541	55,345	87,195	653,800	336,000	317,800	(165,199)	(165,199)	-	488,601	336,000	152,601
1	Tuyến đường dọc nương, bên trái tuyến từ cầu K67 phường Hà Khánh qua cầu Nước Mặn đến đường 336 phường Hà Lâm	B	Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	436,536	436,536	481,200		481,200	267,640	145,000	185,000		62,360	60,000		60,000	(10,000)	(10,000)		50,000		50,000
2	Tuyến đường nối Quốc lộ 18A, phường Hồng Hải (đoạn đường Bùi Thị Xuân) với Tỉnh lộ 336, phường Hà Lâm và quỹ đất xen kẹp hai bên đường)	B	Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 09/12/2021; DTXD 373/QĐ-UBND ngày 08/12/2023; 292/QĐ-UBND ngày 12/01/2024	627,410	627,410	468,887		468,887	409,879	204,847	206,000		968	35,000		35,000	(18,899)	(18,899)		16,101		16,101
3	Cải tạo, chỉnh trang đường Lê Lợi phường Yên Kiêu (Tỉnh lộ 336 cũ) đoạn từ ngã 3 Lê Lợi đến khu Bùn phèn cũ	B	Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 29/10/2019; 372/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	98,200	98,200	78,200		78,200	14,748	4,400	2,056	28,000	19,708	50,000		50,000	(28,500)	(28,500)		21,500		21,500
4	Cải tạo tuyến đường Văn Phong, phường Hoàng Bồ	C	Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	57,188	57,188	58,200		58,200	-					10,000		10,000	(10,000)	(10,000)		-		-
5	Tuyến đường kết nối từ điểm đầu cầu Cửa Lục 1 đến ngã ba Kênh Đông, phường Giang Dầy	B	Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	408,040	408,040	270,000		270,000	223,544	180,000	20,298	27,345	4,100	36,000		36,000	(13,500)	(13,500)		22,500		22,500

[Handwritten signature]

ST T	Tên dự án	Nhóm dự án	Chức vụ	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Vốn đã giải ngân 2021 - 2023				Kế hoạch vốn năm 2023 đã bố trí				Điều chỉnh, phân bổ ngân sách kế hoạch năm 2024			Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	
						Tổng cộng	Ngân sách Thành phố	Tổng cộng	Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Ngân sách Thành phố	Cộng vốn đã cấp giải ngân 2021-2023	2021	2022	2023	Nộp trả	Tổng cộng	Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Ngân sách Thành phố	Tổng cộng	Giảm	Phân bổ, bổ sung	Tổng cộng	Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Ngân sách Thành phố
6	Tuyến đường An Tiêm qua khu công nghiệp Việt Hùng đến ngã tư Vạn Yên, thành phố Hạ Long	B	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	2024 - 2025	236,400	236,400	236,400		236,400	-					70,000		70,000	(27,500)	(27,500)		42,500		42,500
7	Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương	B	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	2022 - 2024	901,639	901,639	982,000	516,000	466,000	265,990	1,862	264,186		58	392,800	336,000	56,800	(56,800)	(56,800)		336,000	336,000	
4	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế					321,075	321,075	339,180	-	339,180						132,300	-	132,300	(66,604)	(66,604)		65,696	-	65,696
8	HTKT khu tái định cư tại khu 2, phường Hoàng Bồ	B	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 11718/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	2022 - 2024	61,272	61,272	61,850		61,850	17,848		17,848			22,000		22,000	(14,500)	(14,500)		7,500		7,500
9	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư tại phường Việt Hùng, thành phố Hạ Long	B	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 2894/QĐ-UBND ngày 18/03/2024	2024 - 2025	59,999	59,999	60,000		60,000	-					24,000		24,000	(10,000)	(10,000)		14,000		14,000
10	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại các lô đất nhà ở liên kế thuộc khu trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	B	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	2024 - 2025	38,989	38,989	45,830		45,830	-					19,000		19,000	(10,000)	(10,000)		9,000		9,000
11	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ đường Minh Hà lên trường THPT Vạn Văn Hiến, phường Hà Tu	C	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 12/02/2023, 3129/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	2022 - 2024	1,936	1,936	2,500		2,500	1,133	-	800	333	-	800		800	(604)	(604)		196		196
1	Lĩnh vực môi trường					124,000	124,000	134,000	-	134,000	-					45,000	-	45,000	(20,000)	(20,000)		25,000	-	25,000
12	Xây dựng ô chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh tại xã Hòa Bình	C	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 3712/QĐ-UBND ngày 09/12/2023	2023 - 2024	124,000	124,000	134,000		134,000	-					45,000		45,000	(20,000)	(20,000)		25,000		25,000
1	Lĩnh vực trợ cấp xã hội					34,879	34,879	35,000	-	35,000	8,230	-	-	8,230	-	21,500	-	21,500	(11,500)	(11,500)		10,000	-	10,000
13	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy - HĐND UBND phường Cao Thắng	C	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 15/2/2023	2023 - 2024	34,879	34,879	35,000		35,000	8,230			8,230		21,500		21,500	(11,500)	(11,500)		10,000		10,000
11	Dự án điều chỉnh bãi sông tả sông nhà, giải quyết tích tụ nước và lấn ôi dự án GTMB và lấn ôi dự án					1,222,024	1,062,471	370,399	171,000	199,399	196,873	41,487	80,678	95,036	20,329	21,500	-	21,500	36,318	-	36,318	57,818	-	57,818
2	Lĩnh vực giao thông					932,621	932,621	70,231	-	70,231	47,471	37,977	8,827	950	283	8,900	-	8,900	8,311	-	8,311	17,211	-	17,211

ST T		Nội dung	Nhóm dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (về, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025					Vốn đã giải ngân 2021 - 2023					Kế hoạch vốn năm 2024 đã bố trí				Điều chỉnh phân bổ kế hoạch vốn 2024			Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh			
T	T						Tổng cộng	Nguồn sách Thành phố	Tổng cộng	Nguồn sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Nguồn sách Thành phố	Cộng vốn đã cấp giải ngân 2021-2023	2021	2022	2023	Nộp trả	Tổng cộng	Nguồn sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Nguồn sách Thành phố	Tổng cộng	Giảm	Phân bổ bổ sung	Tổng cộng	Nguồn sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Nguồn sách Thành phố				
1		Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường Hoàng Quốc Việt với đường 18A đến cầu Bãi Cháy	B	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	2018 - 2023	917.899	917.899	53.531		53.531	47.471	37.977	8.827	950	283	-			5.811			5.811	5.811			5.811		
2		Xây dựng cầu thủy thiềm qua suối thôn Đất Đỏ, xã Tân Dân	C	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 3618/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	2023 - 2024	14.722	14.722	16.700		16.700	-					8.900			8.900	2.500		2.500	11.400			11.400		
1		Linh vực an ninh					11.000	11.000	11.000	-	11.000	4.845	-	-	4.845	-	2.100			2.100	2.300	-	2.300	4.400			4.400		
3	1	Trụ sở Công an xã Vũ Oai tại xã Vũ Oai, thành phố Hạ Long	C	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	2023 - 2024	11.000	11.000	11.000		11.000	4.845			4.845		2.100			2.100	2.300	-	2.300	4.400			4.400		
5		Linh vực các hoạt động kinh tế					50.848	50.848	57.620	-	57.620	19.850	-	24.350	14.512	19.011	5.000			5.000	20.073	-	20.073	25.073			25.073		
4	1	Cải tạo, nạo vét tuyến công liên khu từ tổ 99A, khu 6A đến tổ 54C, khu 6B, phường Hà Phong	C	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 17/8/2022; 111/QĐ-UBND ngày 10/02/2023	2022 - 2023	3.176	3.176	3.700		3.700	2.195		1.850	345		-			-	370		370	370			370		
5	2	Tuyến kẻ chống sét từ khu vực tập thể thao quần vợt và nhà tập luyện thể thao cầu lông và sân chơi ở tại Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	C	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 14/2/2023; 1474/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	2023 - 2024	9.238	9.238	11.600		11.600	7.829			7.829		-				638		638	638			638		
6	3	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng dọc Tỉnh lộ 326 (đoạn từ đầu thôn xã Hòa Bình)	C	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	2023 - 2024	3.595	3.595	4.200		4.200	2.338			2.338		-				782		782	782			782		
7	4	Sửa chữa, nâng cấp đập Đòng Chua, thôn Đòng Chua, xã Vũ Oai, thành phố Hạ Long	C	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 4654/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	2023	4.874	4.874	5.120		5.120	4.000			4.000		-				283		283	283			283		
8	5	Tuyến đường đi qua khu vực các ô đất từ ô số 40 đến ô số 63 thuộc quy hoạch khu tự xây dựng đất ở 5, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	C	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 4094/QĐ-UBND ngày 04/11/2023; 3724/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	2023 - 2024	29.965	29.965	33.000		33.000	3.489		22.500		19.011	5.000			5.000	18.000		18.000	23.000			23.000		
1		Linh vực giáo dục					10.216	10.216	11.200	-	11.200	-	-	-	-	-	5.500			5.500	3.700	-	3.700	9.200			9.200		

ST T	Nội dung	Nhóm dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch trong hạn giải ngân 2021-2025				Vốn đã giải ngân 2021 - 2023					Kế hoạch vốn năm 2024 đã bố trí				Điều chỉnh, phân bổ bổ sung kế hoạch vốn 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh		
						Tổng cộng	Nguồn sách Thành phố	Tổng cộng	Nguồn sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Nguồn sách Thành phố	Cộng vốn đã cấp giải ngân 2021 - 2023	2021	2022	2023	Nhập trả	Tổng cộng	Nguồn sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Nguồn sách Thành phố	Tổng cộng	Giảm	Phân bổ bổ sung	Tổng cộng	Nguồn sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Nguồn sách Thành phố	
9	Xây dựng công trình thuộc diện trường Hà Lăng - Trường Tiểu học Sơn Dương tại xã Sơn Dương, thành phố Hà Long	C	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 3572/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	2023 - 2024	10.216	10.216	11.200		11.200	-					5.500		5.500	3.700			3.700	9.200		9.200
2	Lĩnh vực trợ trợ cơ quan nhà nước					217,340	57,786	220,348	171,000	49,348	124,706	3,510	47,501	74,730	1,035	-	-	-	1,934			1,934	1,934	-	1,934
10	Trụ sở Đảng ủy - UBND - UBND phường Hùng Thắng	C	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 9218/QĐ-UBND ngày 27/10/2017		19,750	19,750	5,348		5,348	2,475	3,510	-	-	1,035	-			1,838			1,838	1,838		1,838
11	Trường THCS và THPT Quảng Lai tại xã Quảng Lai, thành phố Hà Long	B	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 01/11/2022		197,590	38,036	215,000	171,000	44,000	122,231	-	47,501	74,730	-	-			96			96	96		96
III	Dự án mới phân bổ, bổ sung kế hoạch vốn					162,434	162,434	192,000	-	192,000	-	-	-	-	-	-	-	-	50,000			50,000	50,000	-	50,000
I	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế khác					162,434	162,434	192,000	-	192,000	-	-	-	-	-	-	-	-	50,000			50,000	50,000	-	50,000
1	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường khu vực cột 3, cột 5, cột 8, phường Hồng Thái, Hồng Thái, thành phố Hà Long - Giai đoạn 3	C	BQL dự án DTXD thành phố	Quyết định số 7801/QĐ-UBND ngày 05/07/2024	2024 - 2026	162,434	162,434	192,000		192,000						-			50,000			50,000	50,000		50,000

Handwritten signature

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 PHÂN BỐ HỖ TRỢ CỎ MỤC TIÊU CHO ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC PHƯỜNG THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 21-NQ/TU NGÀY 31/12/2020 CỦA BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY HẠ LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hạ Long)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Số lượng	Danh mục dự án/Đơn vị	Phần toại dự án (A-B-C)	Chú đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2023	Nộp trả kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 đã phân bổ	Điều chỉnh kế hoạch vốn			Kế hoạch vốn năm 2024 (sau điều chỉnh)	Ghi chú
												Tổng cộng	Tăng	Giảm		
23		Điều chỉnh phân bổ vốn cấp bổ sung có mục tiêu hỗ trợ các phường triển khai thực hiện các công trình nhà văn hóa và hạ tầng kỹ thuật, giao thông theo Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Hạ Long					127,083	133,160	17,718	1,940	51,389	32,258	32,797	(539)	83,647	
2		Phường Việt Hưng					1,544	1,560	-	-	800	650	650	-	1,450	
1	1	Cải tạo trường tiểu học Việt Hưng - Điểm trường Cải Mắm để sử dụng làm nhà văn hóa khu phố 8, phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long	C	UBND phường Việt Hưng	Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND phường	2024	555	560			300	221	221		521	
2	2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa khu 4, phường Việt Hưng	C	UBND phường Việt Hưng	Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của UBND phường	2024	989	1,000			500	429	429		929	
3	3	Phường Yết Kiêu					22,038	22,060	4,133	621	7,000	8,940	8,940	-	15,940	
3	1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường phố Dã Tượng (từ Quốc lộ 18A đến công trường Võ Thị Sáu), khu 1, khu 2, phường Yết Kiêu	C	UBND phường Yết Kiêu	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 09/12/2023; 188/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND phường	2023-2024	6,174	6,170	4,133	621	1,000	1,500	1,500		2,500	
4	2	Cải tạo, mở rộng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tuyến đường tổ 1 khu 4, tổ 1 khu 5, phường Yết Kiêu	C	UBND phường Yết Kiêu	Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND phường	2024	2,065	2,100	-	-	1,000	1,000	1,000		2,000	

[Signature]

Stt	Số lượng	Danh mục dự án/Đơn vị	Phân loại dự án (A-B-C)	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2023	Nộp trả kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 đã phân bổ	Điều chỉnh kế hoạch vốn			Kế hoạch vốn năm 2024 (sau điều chỉnh)	Ghi chú
												Tổng cộng	Tăng	Giảm		
5	3	Cải tạo chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật Khu tự xây Ao Cà khu 4 phường Yết Kiêu, thành phố Hà Long	C	UBND phường Yết Kiêu	Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND phường	2024	13,799	13,790	-	-	5,000	6,440	6,440	-	11,440	
1	1	Phường Bãi Cháy					769	890	-	-	400	279	279	-	679	
6	1	Cải tạo đường giao thông ngõ 140 đường Trần Bình Trọng, phường Bãi Cháy, thành phố Hà Long	C	UBND phường Bãi Cháy	Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của UBND phường	2024	769	890	-	-	400	279	279		679	
1	1	Phường Giếng Đáy					2,893	4,640	-	-	1,000	1,438	1,438	-	2,438	
7	1	Nhà văn hóa khu 3B, phường Giếng Đáy, thành phố Hà Long	C	UBND phường Giếng Đáy	Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND phường	2024	2,893	4,640	-	-	1,000	1,438	1,438		2,438	
7	7	Phường Hà Khẩu					43,172	46,670	-	-	19,200	10,400	10,400	-	29,600	
8	1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tổ 51, khu 5, phường Hà Khẩu	C	UBND phường Hà Khẩu	Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của UBND phường	2024-2025	4,052	4,240			2,000	1,500	1,500		3,500	
9	2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ tổ 52 sang tổ 55, khu 5, phường Hà Khẩu	C	UBND phường Hà Khẩu	Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của UBND phường	2024-2025	6,648	6,900			3,000	2,700	2,700		5,700	
10	3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tổ 68, khu 7, phường Hà Khẩu	C	UBND phường Hà Khẩu	Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của UBND phường	2024-2025	4,345	4,550			2,500	1,200	1,200		3,700	
11	4	Nhà văn hóa khu 2, phường Hà Khẩu	C	UBND phường Hà Khẩu	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND phường	2024-2025	4,920	6,890			2,000	1,000	1,000		3,000	
12	5	Nhà văn hóa khu 3, phường Hà Khẩu	C	UBND phường Hà Khẩu	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND phường	2024-2025	6,375	6,970			3,000	1,000	1,000		4,000	

Số lượng	Danh mục dự án/Đơn vị	Phân loại dự án (A-B-C)	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2023	Nộp trả kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 đã phân bổ	Điều chỉnh kế hoạch vốn			Kế hoạch vốn năm 2024 (sau điều chỉnh)	Ghi chú
											Tổng cộng	Tăng	Giảm		
13	6	Nhà văn hóa khu 5, phường Hà Khẩu	C	Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND phường	2024-2025	10,192	10,470			4,000	2,000	2,000		6,000	
14	7	Nhà văn hóa khu 6, phường Hà Khẩu	C	Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND phường	2024-2025	6,640	6,650			2,700	1,000	1,000		3,700	
	4	Phường Đại Yên				30,237	30,510	-	-	15,000	9,500	9,500	-	24,500	
15	1	Nhà văn hóa khu 1, phường Đại Yên	C	Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND phường	2024	7,596	7,590			4,000	1,500	1,500		5,500	
16	2	Nhà văn hóa khu 2, phường Đại Yên, thành phố Hà Long	C	Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND phường	2024	5,986	5,980			3,000	2,000	2,000		5,000	
17	3	Nhà văn hóa khu 5, phường Đại Yên, thành phố Hà Long	C	Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND phường	2024	7,665	7,950			4,000	2,500	2,500		6,500	
18	4	Nhà văn hóa khu Minh Khai, phường Đại Yên	C	Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND phường	2024	8,990	8,990			4,000	3,500	3,500		7,500	
	1	Phường Hà Lâm				6,465	6,460	6,385	1,315	-	52	52	-	52	
19	1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông khu vực đồi cao văn hóa khu 3, phường Hà Lâm	C	Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND phường	2023-2024	6,465	6,460	6,385	1,315	-	52	52		52	
2	2	Phường Hồng Hà				1,958	2,050	-	-	1,300	538	538	-	1,838	

Stt	Số lượng	Danh mục dự án/Đơn vị	Phân loại dự án (A-B-C)	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2023	Nộp trả kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 đã phân bổ	Điều chỉnh kế hoạch vốn			Kế hoạch vốn năm 2024 (sau điều chỉnh)	Ghi chú
												Tổng cộng	Tăng	Giảm		
20	1	Cải tạo tuyến đường dân sinh khu nhà thành lý Ban dân tộc (sau nhà trẻ Hoa Hồng) tại khu 7, phường Hồng Hà, thành phố Hà Long	C	UBND phường Hồng Hà	Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND phường	2024	1,134	1,140			700	354	354		1,054	
21	2	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa khu 8, phường Hồng Hà	C	UBND phường Hồng Hà	Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND phường	2024	824	910			600	184	184		784	
	2	Phường Hồng Gai					18,007	18,320	7,200	4	6,689	461	1,000	-539	7,150	
22	1	Nhà văn hóa khu phố 1, phường Hồng Gai, thành phố Hà Long	C	UBND phường Hồng Gai	Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND phường	2023-2024	7,050	7,050	-		3,000	1,000	1,000		4,000	
23	2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Ba Dèo tại khu phố 2, phường Hồng Gai	C	UBND phường Hồng Gai	Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND phường	2023-2024	10,957	11,270	7,200	4	3,689	(539)		(539)	3,150	Giảm do bổ sung nguồn xã hội hóa từ nhân dân đóng góp nộp vào NS phường

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 PHÂN BỐ HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG NÔNG THÔN CÁC XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hạ Long)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Số lượng	Danh mục dự án / Đơn vị	Phân loại dự án (A-B-C)	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2024	Điều chỉnh kế hoạch vốn		Kế hoạch vốn năm 2024 (sau điều chỉnh)	Ghi chú
										Tăng	Giảm		
	23	Điều chỉnh, bổ sung phân bổ cấp hỗ trợ có mục tiêu hỗ trợ các xã thực hiện các công trình nhà văn hóa và hạ tầng nông thôn					112,783	114,685	55,200	50,027		105,227	
	2	Xã Sơn Dương					16,746	15,663	7,000	7,709		14,709	
1	1	Mở rộng chỉnh trang tuyến đường trục chính thôn Cây Thị, xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	C	UBND xã Sơn Dương	Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND xã	2024	1,876	1,780	1,000	586		1,586	
2	2	Mở rộng chỉnh trang tuyến đường trục chính thôn Vườn Rậm, xã Sơn Dương	C	UBND xã Sơn Dương	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND xã	2023-2024	14,870	13,883	6,000	7,123		13,123	
	4	Xã Vũ Oai					30,434	33,122	15,600	14,123		29,723	
3	1	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường trục giao thông liên thôn Đông Chùa và thôn Đông Cháy, xã Vũ Oai	C	UBND xã Vũ Oai	Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND xã	2023-2024	11,570	12,648	6,000	5,000		11,000	
4	2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ trường TH và THCS Vũ Oai qua trường mầm non Vũ Oai đầu nối đường liên thôn Lán Dè, xã Vũ Oai	C	UBND xã Vũ Oai	Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND xã	2023-2024	5,146	5,600	3,000	2,142		5,142	
5	3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tràn qua suối Vũ Oai, thôn Bãi Cát, xã Vũ Oai	C	UBND xã Vũ Oai	Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND xã	2023-2024	12,425	13,654	6,000	6,375		12,375	

[Handwritten signature]

Stt	Số lượng	Danh mục dự án / Đơn vị	Phân loại dự án (A-B-C)	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2024	Điều chỉnh kế hoạch vốn		Kế hoạch vốn năm 2024 (sau điều chỉnh)	Ghi chú
	6	Xây dựng cầu giao thông qua suối Khe La, thôn Đồng Chùa, xã Vũ Oai	C	UBND xã Vũ Oai	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 của UBND xã	2023-2024	1,293	1,220	600	606		1,206	
	4	Xã Lê Lợi					20,335	19,030	10,300	8,432		18,732	
	7	Kiến cố hóa đường nội đồng xóm Hện Thước thôn Đẻ E, xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND xã	2023-2024	3,439	2,820	2,000	788		2,788	
	8	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường mới đội 1, thôn Bằng Xăm, xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND xã	2023-2024	459	550	300	138		438	
	9	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên nhà văn hóa thôn Bằng Xăm, xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND xã	2023-2024	1,517	1,550	1,000	467		1,467	
	10	Nâng cấp, sửa chữa mở rộng tuyến đường Hện Thước thôn Đẻ E, xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND xã	2023-2024	14,920	14,110	7,000	7,039		14,039	
	3	Xã Dân Chủ					14,796	15,590	7,500	6,640		14,140	
	11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường vào khu dân cư xóm Đá Lôm và xây dựng lan can cầu Đá Lôm, thôn 2, xã Dân Chủ	C	UBND xã Dân Chủ	Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND xã	2024	8,579	8,600	4,000	4,000		8,000	
	12	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường thôn 1, xã Dân Chủ (đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Được đến nhà bà Đinh Thị Cậy).	C	UBND xã Dân Chủ	Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND xã	2024	1,077	1,530	500	543		1,043	
	13	Nâng cấp sửa chữa, mở rộng tuyến đường thôn 2, xã Dân Chủ (đoạn từ QL279 qua nhà ông Dương Văn Hoan đến hố dựng vỏ thuốc bảo vệ thực vật),	C	UBND xã Dân Chủ	Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND xã	2024	5,140	5,460	3,000	2,097		5,097	
	3	Xã Hòa Bình					7,782	7,830	4,000	3,345		7,345	

Handwritten signature

Sst	Số lượng	Danh mục dự án / Đơn vị	Phân loại dự án (A-B-C)	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2024	Điều chỉnh kế hoạch vốn		Kế hoạch vốn năm 2024 (sau điều chỉnh)	Ghi chú
										Tăng	Giảm		
14	1	Kiến cổ hóa tuyến đường thôn Đồng Lát, xã Hòa Bình (đoạn đầu nối từ cuối đường đã xây Dãng Dầu Bình - Dãng Phúc Minh đến khe nước dưới nhà Dãng Phúc Minh)	C	UBND xã Hòa Bình	Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND xã	2023-2024	389	390	200	175		375	
15	2	Kiến cổ hóa tuyến khe, suối thôn Đồng Lát, xã Hòa Bình (đoạn từ dưới nhà bà Dãng Thị Nhất đến đối diện trước cửa nhà Dãng Dầu Chỏi)	C	UBND xã Hòa Bình	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND xã	2023-2024	5,952	5,980	3,000	2,680		5,680	
16	3	Kiến cổ hóa tuyến khe, suối thôn Đồng Lát, xã Hòa Bình (đoạn từ dưới đập Đồng Lát 2 đến đối diện nhà Lý Tiên Phúc)	C	UBND xã Hòa Bình	Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND xã	2023-2024	1,441	1,460	800	490		1,290	
	3	Xã Kỳ Thượng					7,939	8,060	4,200	3,458		7,658	
17	1	Đường từ đường vào nhà văn hóa thôn Khe Lương đến nhóm hộ Bàn Văn Vương, thôn Khe Lương, xã Kỳ Thượng, thành phố Hạ Long	C	UBND xã Kỳ Thượng	Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND xã	2024	488	490	200	272		472	
18	2	Cầu tràn và đường vào nhóm hộ Bàn Tài Viên, thôn Khe Lương, xã Kỳ Thượng, thành phố Hạ Long	C	UBND xã Kỳ Thượng	Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND xã	2024	5,607	5,680	3,000	2,404		5,404	
19	3	Đập, đường ống dẫn nước Khe Chuong - Khe Lìn, thôn Khe Tre, xã Kỳ Thượng, thành phố Hạ Long	C	UBND xã Kỳ Thượng	Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND xã	2024	1,844	1,890	1,000	782		1,782	
	2	Xã Đồng Lâm					8,000	8,230	3,600	3,718		7,318	
20	1	Ngầm tràn vào hộ dân Bàn Hữu Hiền, Triệu Tài Quảng, Bàn Thị Năm, Triệu Tiến Quảng và khu rừng sản xuất, thôn Khe Lèn, xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long	C	UBND xã Đồng Lâm	Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND xã	2024-2025	1,102	1,160	600	478		1,078	
21	2	Đập Ba Luồng và đường ống dẫn nước xóm Bằng Danh, thôn Đồng Trạ, xã Đồng Lâm	C	UBND xã Đồng Lâm	Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND xã	2024	6,898	7,070	3,000	3,240		6,240	

Stt	Số lượng	Danh mục dự án / Đơn vị	Phân loại dự án (A-B-C)	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2024	Điều chỉnh kế hoạch vốn		Kế hoạch vốn năm 2024 (sau điều chỉnh)	Ghi chú
										Tăng	Giảm		
	2	Xã Tân Dân					6,751	7,160	3,000	2,602		5,602	
22	1	Đường từ nhà Lý Thị Phương đến nhà Đặng Thị Hai, thôn Khe Cát, xã Tân Dân, thành phố Hà Long	C	UBND xã Tân Dân	Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND xã	2024	5,054	5,450	2,000	2,052		4,052	
23	2	Đường tràn vào khu sản xuất tập trung cánh đồng Khe Cát, thôn Đồng Mùng, xã Tân Dân	C	UBND xã Tân Dân	Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND xã	2024	1,697	1,710	1,000	550		1,550	

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024, HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC PHƯỜNG, XÃ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH NHÀ VĂN HÓA VÀ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 21-NQ/TU NGÀY 31/12/2020 CỦA BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY HẠ LONG

(kèm theo Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hạ Long)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Số lượng	Danh mục dự án/Đơn vị	Phân loại dự án (A-B-C)	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Phân bổ kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
27		Phân bổ vốn cấp bổ sung có mục tiêu hỗ trợ các phường, xã triển khai thực hiện các công trình nhà văn hóa và hạ tầng kỹ thuật, giao thông theo Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy					147,731	169,810	63,200	
4	4	Phường Hoàng Bồ					26,415	31,830	12,000	
1	1	Nhà Văn hóa khu Trới 1, phường Hoàng Bồ	C	UBND phường Hoàng Bồ	Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND phường	2024-2025	6,150	7,030	3,000	
2	2	Nhà Văn hóa khu Trới 8, phường Hoàng Bồ	C	UBND phường Hoàng Bồ	Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND phường	2024-2025	7,243	8,750	3,000	
3	3	Nhà Văn hóa khu Trới 2, phường Hoàng Bồ	C	UBND phường Hoàng Bồ	Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND phường	2024-2025	6,579	7,810	3,000	
4	4	Nhà Văn hóa khu Trới 5, phường Hoàng Bồ	C	UBND phường Hoàng Bồ	Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND phường	2024-2025	6,443	8,240	3,000	
3	3	Phường Hồng Hải					6,281	6,660	2,400	

Sst	Số lượng	Danh mục dự án/Đơn vị	Phân loại dự án (A-B-C)	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Phân bổ kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
	1	Sửa chữa Nhà văn hóa Khu 9 + 10 phường Hồng Hải	C	UBND phường Hồng Hải	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 10/4/2024	2024	307	370	200	
	2	Sửa chữa Nhà văn hóa trung tâm, phường Hồng Hải	C	UBND phường Hồng Hải	Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 10/4/2024	2024	354	390	200	
	3	Nhà văn hóa khu 10, phường Hồng Hải	C	UBND phường Hồng Hải	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 02/7/2024	2024-2025	5,620	5,900	2,000	
	2	Phường Giếng Dáy					15,624	21,650	8,000	
	1	Nhà văn hóa khu 5, phường Giếng Dáy, thành phố Hạ Long	C	UBND Phường Giếng Dáy	Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 10/6/2024	2024	6,033	7,790	3,000	
	2	Nhà văn hóa khu 6, phường Giếng Dáy, thành phố Hạ Long	C	UBND Phường Giếng Dáy	Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 10/6/2024	2024	9,591	13,860	5,000	
	2	Phường Tuần Châu					1,551	1,550	800	
	1	Cải tạo Nhà văn hóa khu phố 3, phường Tuần Châu	C	UBND Phường Tuần Châu	Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	2024	981	980	500	
	2	Cải tạo Nhà văn hóa khu phố 4, phường Tuần Châu	C	UBND Phường Tuần Châu	Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	2024	570	570	300	
	3	Phường Việt Hưng					21,028	23,560	9,000	

Stt	Số lượng	Danh mục dự án/Đơn vị	Phân loại dự án (A-B-C)	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Phân bổ kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
12	1	Nhà văn hoá khu phố 1, phường Việt Hưng, thành phố Hà Long	C	UBND phường Việt Hưng	Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND phường	2024 - 2025	6,750	7,800	3,000	
13	2	Nhà văn hoá khu phố 5 và khu vui chơi cho thanh thiếu niên phường Việt Hưng, thành phố Hà Long	C	UBND phường Việt Hưng	Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND phường	2024 - 2025	6,925	7,590	3,000	
14	3	Nhà văn hoá khu phố 6, phường Việt Hưng, thành phố Hà Long	C	UBND phường Việt Hưng	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND phường	2024 - 2025	7,353	8,170	3,000	
	4	Phường Cao Xanh					29,913	32,240	13,000	
15	1	Xây dựng nhà văn hóa khu 1, phường Cao Xanh, thành phố Hà Long	C	UBND phường Cao Xanh	Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 23/5/2024	2024	9,510	9,670	4,000	
16	2	Xây dựng nhà văn hóa khu 2B, phường Cao Xanh, thành phố Hà Long	C	UBND phường Cao Xanh	Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 23/5/2024	2024	7,615	8,400	3,000	
17	3	Xây dựng nhà văn hóa khu 7, phường Cao Xanh, thành phố Hà Long	C	UBND phường Cao Xanh	Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 23/5/2024	2024	7,119	8,090	3,000	
18	4	Xây dựng nhà văn hóa khu 8, phường Cao Xanh, thành phố Hà Long	C	UBND phường Cao Xanh	Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 23/5/2024	2024	5,668	6,080	3,000	
	1	Phường Trần Hưng Đạo					2,779	3,000	1,000	
19	1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tổ 6, khu 4, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hà Long	C	UBND phường Trần Hưng Đạo	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND phường	2024	2,779	3,000	1,000	Công trình chào mừng đại hội Đảng các cấp

Sst	Số lượng	Danh mục dự án/Đơn vị	Phân loại dự án (A-B-C)	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Phân bổ kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
	2	Phường Bãi Cháy					7,690	9,510	3,500	
20	1	Nhà văn hoá khu 9B, phường Bãi Cháy	C	UBND phường Bãi Cháy	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 18/6/2024	2024	4,794	6,250	2,000	
21	2	Cải tạo tuyến đường, cống thoát nước tổ 4, khu 7, Phường Bãi Cháy	C	UBND phường Bãi Cháy	Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 18/6/2024	2024	2,896	3,260	1,500	Công trình chào mừng đại hội Đảng các cấp
	1	Phường Bạch Đằng					4,206	4,210	1,500	
22	1	Cải tạo, sửa chữa các nhà văn hóa khu phố 1, 2, 3, 4, 5, 5B và 6, phường Bạch Đằng	C	UBND phường Bạch Đằng	Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của UBND phường	2024	4,206	4,210	1,500	
	1	Phường Hà Khánh					5,670	6,110	2,000	
23	1	Nhà văn hóa khu phố 1, phường Hà Khánh	C	UBND phường Hà Khánh	Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của UBND phường	2024-2025	5,670	6,110	2,000	
	2	Phường Hà Phong					14,361	16,350	5,000	
24	1	Nhà văn hóa khu 6B, phường Hà Phong, thành phố Hạ Long	C	UBND phường Hà Phong	Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của UBND phường	2024-2025	8,363	8,430	3,000	
25	2	Nhà văn hóa khu 5, phường Hà Phong, thành phố Hạ Long	C	UBND phường Hà Phong	Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND phường	2024-2025	5,998	7,920	2,000	



Sst	Số lượng	Danh mục dự án/Đơn vị	Phân loại dự án (A-B-C)	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày, tháng, năm)	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Phân bổ kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
	1	Phường Yết Kiêu					7,773	8,700	3,000	
26	1	Nhà văn hóa khu 2, phường Yết Kiêu	C	UBND phường Yết Kiêu	Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của UBND phường	2024-2025	7,773	8,700	3,000	
	1	Xã Vũ Oai					4,440	4,440	2,000	
27	1	Sửa chữa, cải tạo 03 nhà văn hoá thôn Đồng Cháy, Đồng Chùa, Đồng Sang xã Vũ Oai	C	UBND xã Vũ Oai	Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	2024	4,440	4,440	2,000	

Handwritten signature